

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, huyện Dầu Tiếng. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/8/2019). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Hoàng N, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Xin vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị xã B, huyện K, tỉnh Bình Phước. Xin vắng mặt.

3. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Ấp B1, xã H, huyện E, tỉnh Bình Dương. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn yêu cầu và quá trình tham gia tố tụng, đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự (bà Nguyễn Thị Hồng T1) trình bày:

Ngày 27/5/2019, qua rà soát hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã T phát hiện anh Bùi Hoàng N, sinh ngày 20/10/1984, hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị xã B, huyện K, tỉnh Bình Phước đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 01, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 23/10/2018, anh Bùi Hoàng N vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp với chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Ấp B1, xã H, huyện E, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển 01, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 28/8/2007.

Thời điểm đăng ký kết hôn (23/10/2018) là thời gian triển khai hệ cơ sở dữ liệu dân cư, Ủy ban nhân dân xã T bị áp lực về thời gian đăng ký kết hôn chỉ trong một ngày làm việc, áp lực về số lượng hồ sơ nên còn thiếu sót trong việc kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân, chỉ dựa vào sự cam kết về tình trạng hôn nhân của người đăng ký nên đã để xảy ra tình trạng trên.

Như vậy, hành vi của anh N và chị L đăng ký kết hôn trong khi anh N vẫn còn quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị T đã vi phạm điều cấm và điều kiện kết hôn theo điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và việc kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 01, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018 là trái pháp luật.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 01, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018. Nếu anh N và chị L yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho họ theo quy định của pháp luật.

- Theo đơn yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp, bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L) trình bày:

Ngày 23/10/2018, anh N và chị L có đến Ủy ban nhân dân xã T để đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 1/2018. Thời điểm này anh N vẫn còn quan hệ vợ chồng hợp pháp với bà Lê Thị Ngọc T theo giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyển 1/2007 nhưng đã không còn sống chung với nhau nhiều năm. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết nên anh N đã khai với công chức tư pháp hộ tịch là đăng ký lần đầu để mọi việc nhanh chóng.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018 thì anh N và chị L không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân huyện

D, tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 199/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2019, quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, theo đó anh N và chị T đã không còn là vợ chồng kể từ ngày 30/7/2019. Như vậy, đến thời điểm Tòa án thụ lý việc vào ngày 02/8/2019 thì ông N và bà L đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N và chị L yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L theo quy định pháp luật.

- Theo bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Lê Thị Ngọc T) trình bày:

Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyền 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018 thì chị T không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 199/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2019, quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, theo đó anh N và chị T đã không còn là vợ chồng kể từ ngày 30/7/2019. Như vậy, đến thời điểm Tòa án thụ lý việc vào ngày 02/8/2019 thì ông N và bà L đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Về nội dung: Lời trình bày và các chứng cứ do các đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ để xác định việc kết hôn giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyền 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018 là trái pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm thụ lý việc yêu cầu thì anh N và chị L đã đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã T tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật nêu trên, công nhận quan hệ hôn nhân cho các đương sự yêu cầu kể từ thời điểm các đương sự đủ điều kiện kết hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định:

[1] Anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyền 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp

ngày 23/10/2018. Việc Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương phát hiện và yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L, đồng thời, trong quá trình giải quyết anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L. Tuy nhiên, anh N và chị L đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh N, chị L theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển 01, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 28/8/2007 giữa anh Bùi Hoàng N và chị Lê Thị Ngọc T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ sở kết luận tại thời điểm anh N và chị L đăng ký kết hôn ngày 23/10/2018 thì giữa anh N và chị T vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Việc sai sót xảy ra một phần do lỗi của người đăng ký không tiến hành kiểm tra, đối chiếu kỹ do áp lực công việc, một phần lỗi do người đi đăng ký đã khai không trung thực về tình trạng hôn nhân của bản thân. Như vậy, việc anh N và chị L đăng ký kết hôn trong khi anh N vẫn còn quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018 là trái pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 3, Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân xã T phát hiện và yêu cầu Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Sau khi đăng ký kết hôn, anh N và chị L đã cùng nhau chung sống cho đến nay và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại thời điểm Tòa án thụ lý việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (ngày 02/8/2019) thì anh N và chị L đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định, bởi vì, ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 199/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2019, quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, theo đó anh N và chị T đã không còn là vợ chồng kể từ ngày 30/7/2019. Quá trình tham gia tố tụng, chị T cũng có ý kiến thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh N và chị L. Như vậy, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh N và chị L nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo các quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối

cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về lệ phí:

Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L cùng có yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp và được chấp nhận nên phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 2, 3 Điều 367, Điều 370; Điều 371; Điều 372 và Điều 378 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L.

Hủy việc kết hôn giữa anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyền 1/2018 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 23/10/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Hoàng N, sinh ngày 20/10/1984, hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị xã B, huyện K, tỉnh Bình Phước kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (ngày 30/7/2019).

Anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

- Anh Bùi Hoàng N và chị Nguyễn Thị Thùy L liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Ủy ban nhân dân xã T có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

- Anh Bùi Hoàng N, chị Nguyễn Thị Thùy L và chị Lê Thị Ngọc T có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Ngọc Tuyền